

(Mẫu số 01/QĐ-CKNS ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính)

TRƯỜNG MẦM NON HÀNH DŨNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/QĐCKDTNS- MNHD

Phước Giang, ngày 05 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Trường mầm non Hành Dũng)

Căn cứ Luật số 89/2025/QH15 Luật Ngân sách nhà nước được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ Nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 25 tháng 06 năm 2025 ;

Căn cứ Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính về qui định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ tài chính về sửa đổi , bổ sung một số điều của thông tư 61/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Phước Giang về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước và chi ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn xã Phước Giang.

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán Trường mầm non Hành Dũng.

QUYẾT ĐỊNH:

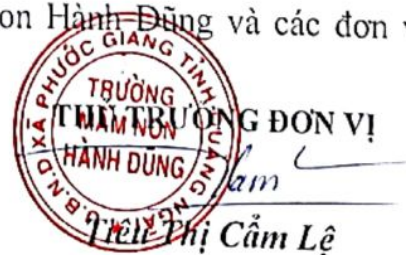
Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Trường mầm non Hành Dũng (theo các biểu kèm theo quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán Trường mầm non Hành Dũng và các đơn vị liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng KT xã Phước Giang;
- Lưu :VT.



Biểu số 2 - Bộ Tài chính kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **TRƯỜNG MẦM NON HÀNH DŨNG**

Chương: 82



THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-QCCKTC ngày 05/01/2026 của Trường Mầm non Hành Dũng)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí (Học phí)	119.340.000
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Học phí	119.340.000
	Phí ...	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	119.340.000
I	Chi sự nghiệp.....	119.340.000
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
I	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.392.454.205
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.392.454.205
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3.392.454.205
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.351.954.205
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	40.500.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHƯỚC GIANG

Số: 1429/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phước Giang, ngày 22 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước và chi ngân sách
địa phương năm 2026 trên địa bàn xã Phước Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHƯỚC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh khóa XIII, kỳ họp thứ 7 Ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh khóa XIII, kỳ họp thứ 7 Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã và các nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh khóa XIII, kỳ họp thứ 7 về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước và chi ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã về việc dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn xã Phước Giang;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 212/TTr-KT ngày 22/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2026 cho các Phòng, ban, cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí từ ngân sách xã (Chi tiết theo các Biểu mẫu kèm theo).

Điều 2. Căn cứ nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 được UBND xã giao; Thủ trưởng các Phòng, ban, cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí từ ngân sách xã được phân bổ dự toán thu chi ngân sách nhà nước phải đảm bảo:

1. Quản lý chặt chẽ, tiết kiệm, trong phạm vi dự toán được giao, chống thất thoát, lãng phí; Thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính – ngân sách nhà nước, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Luật phòng chống tham nhũng, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, trong đó:

Dự toán chi thường xuyên thực hiện theo hệ thống định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên và các chế độ chính sách, nhiệm vụ do cơ quan có thẩm quyền ban hành; Đảm bảo thực hiện chi cho con người, chi an sinh xã hội. Chi cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề đảm bảo mức tối thiểu cấp trên giao. Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là các khoản kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết; Bố trí kinh phí mua sắm, sửa chữa chặt chẽ, đúng quy định. Tiếp tục cải cách hành chính, mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin đi đôi với tăng cường giám sát trong quản lý chi ngân sách nhà nước.

2. Giao dự toán năm 2026 đối với đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL):

Việc phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên năm 2026 cho các đơn vị SNCL thực hiện theo các Nghị định của Chính phủ: số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định hiện hành có liên quan.

3. Tiếp tục thực hiện các quy định về chính sách tạo nguồn để cải cách tiền lương trong năm 2026 theo quy định. Trong đó: 50% tăng thu ngân sách địa phương (*không kể thu tiền sử dụng đất, các khoản loại trừ khi tính tăng thu dành để thực hiện cải cách tiền lương*); 50% giảm chi ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước và hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập; Nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư (*nếu có*). Đồng thời, dành 70% nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách địa phương so với dự toán năm 2026 để tạo nguồn cải cách tiền lương.

Đối với nguồn tăng thu ngân sách địa phương (*không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết*), loại trừ thêm một số khoản thu gắn với nhiệm vụ chi cụ thể gồm: Thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; Thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; Phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ; Phí bảo vệ

môi trường đối với khai thác khoáng sản; Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi công sản tại xã và thu tiền cho thuê, mua bán nhà thuộc sở hữu nhà nước.

Điều 3. Thời hạn phân bổ chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và báo cáo kết quả thực hiện:

Căn cứ nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước được cấp trên giao và đã được Hội đồng nhân dân xã thông qua, giao Phòng Kinh tế có trách nhiệm tham mưu UBND xã giao dự toán ngân sách cho từng đơn vị sử dụng ngân sách trước ngày 31/12/2025 và báo cáo kết quả phân bổ, giao dự toán năm 2026 về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, đồng thời tổ chức việc công khai dự toán ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Thủ trưởng cơ quan Thuế cơ sở 2, Thủ trưởng Kho bạc nhà nước khu vực XV - Phòng giao dịch số 20, các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Sở Tài chính (báo cáo);
- Thường trực Đảng ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các Phòng, cơ quan đơn vị liên quan;
- Các Trường học trên địa bàn;
- VP HĐND và UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Lễ



TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU HỌC PHÍ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 1429/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND xã Phước Giang)

DVT: đồng

Số TT	Đơn vị	Dự toán thu năm 2026					Ghi chú
		Tổng mức thu	Tổng số học sinh có mặt năm học (2025-2026)	Mức thu	Học kì II (2025-2026)	Học kì I (2026-2027)	
	Tổng cộng	961.740.000	1.644				
	Cấp Mầm non (2 buổi)	300.105.000	513				
1	Trường MN Hành Minh	78.390.000	134	65.000	5	4	
2	Trường MN Hoa Mai	102.375.000	175	65.000	5	4	
3	Trường MN Hành Dũng	119.340.000	204	65.000	5	4	
	Cấp Tiểu học	833.625.000	1.425				
4	Trường TH Hành Minh	327.015.000	559	65.000	5	4	
5	Trường TH Hành Nhân	287.820.000	492	65.000	5	4	
6	Trường TH Hành Dũng	218.790.000	374	65.000	5	4	
	Cấp Trung học cơ sở	661.635.000	1.131				
7	Trường THCS Hành Minh	237.510.000	406	65.000	5	4	
8	Trường THCS Hành Nhân	218.205.000	373	65.000	5	4	
9	Trường THCS Hành Dũng	205.920.000	352	65.000	5	4	



TỔNG HỢP NHIỆM VỤ THU HỌC PHÍ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 1429/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND xã Phước Giang)

DVT: đồng

Số TT	Đơn vị	CÁC BẬC HỌC: MẦM NON, TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ					Ghi chú
		Tổng mức thu	Kinh phí được hưởng 100%	Trong đó:		Kinh phí được hưởng theo tỷ lệ %	
				Trích 40% bổ sung thực hiện CCTL năm 2026	Trích 60% bổ sung nguồn chi hoạt động năm 2026		
	Tổng cộng	1.795.365.000	1.795.365.000	718.146.000	1.077.219.000	0	
	Cấp Mầm non (2 buổi)	300.105.000	300.105.000	120.042.000	180.063.000	0	
1	Trường MN Hành Minh	78.390.000	78.390.000	31.356.000	47.034.000		
2	Trường MN Hoa Mai	102.375.000	102.375.000	40.950.000	61.425.000		
3	Trường MN Hành Dũng	119.340.000	119.340.000	47.736.000	71.604.000		
	Cấp tiểu học	833.625.000	833.625.000	333.450.000	500.175.000	0	
4	Trường TH Hành Minh	327.015.000	327.015.000	130.806.000	196.209.000		
5	Trường TH Hành Nhân	287.820.000	287.820.000	115.128.000	172.692.000		
6	Trường TH Hành Dũng	218.790.000	218.790.000	87.516.000	131.274.000		
	Cấp Trung học cơ sở	661.635.000	661.635.000	264.654.000	396.981.000	0	
7	Trường THCS Hành Minh	237.510.000	237.510.000	95.004.000	142.506.000		
8	Trường THCS Hành Nhân	218.205.000	218.205.000	87.282.000	130.923.000		
9	Trường THCS Hành Dũng	205.920.000	205.920.000	82.368.000	123.552.000		



ĐƠN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG MẦM NON HÀNH DŨNG

QHNS 1116217 - CHƯƠNG 822 - KHOẢN 071

(Kèm theo Quyết định số: 1429/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND xã Phước Giang)

Phụ lục 10

Đơn vị: Đồng

TT	Nội dung	Số biên chế	Số hợp đồng	Định mức chi năm 2026	Dự toán được giao năm 2026	Dự toán được giao sau khi tiết kiệm	Ghi chú (Phần KP giao không tự chủ)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	7	9
	Tổng kinh phí được cấp (I + II-III)				3.392.454.205	3.392.454.205		
I	Kinh phí giao năm 2025 theo định mức (nguồn 13)	19		288.068.399	3.456.820.785	3.351.954.205	Dự toán chi năm 2026 ngoài định mức giao đã tính theo quy định, bổ sung thêm kinh phí chi cho một số nội dung ngoài định mức không đảm bảo chi đối với bậc Mầm non: 50.000.000 đồng.	
1	Khoản chi thực hiện tự chủ			288.068.399	3.456.820.785	3.351.954.205		
1.1	Chi cho Con người			242.074.285	2.904.891.416	2.904.891.416		
-	Lương			141.242.400	1.694.908.800	1.694.908.800		
-	Phụ cấp chức vụ			2.691.000	32.292.000	32.292.000		
-	Phụ cấp thâm niên vượt khung			0	0	0		
-	Phụ cấp trách nhiệm			234.000	2.808.000	2.808.000		
-	Phụ cấp thâm niên nghề			17.640.324	211.683.888	211.683.888		
-	Phụ cấp ưu đãi			45.528.210	546.338.520	546.338.520		
-	Phụ cấp thu hút, khu vực			0	0	0		
-	Phụ cấp công tác lâu năm			0	0	0		
-	Phụ cấp khác (chênh lệch bảo lưu, ...)			0	0	0		
-	Các khoản đóng góp theo lương			34.738.351	416.860.208	416.860.208		
1.2	Kinh phí chi hoạt động thường xuyên sự nghiệp (*)			45.994.114	551.929.369	447.062.789		
2	Hợp đồng có Thông báo UBND			0	0	0		
II	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ (nguồn 12)			50.000.000	50.000.000	40.500.000		
	Các nhu cầu chi tiêu của đơn vị mà định mức không đảm bảo chi (**)			50.000.000	50.000.000	40.500.000		
III	Kinh phí tiết kiệm theo quy định			0	114.366.580			
1	Tiết kiệm chi TX 10%: (1.2+II)*10%				60.192.937			
2	Tiết kiệm chi TX 10% thực hiện chính sách ASXH: ((1.2+II)-III.1)*10%				54.173.643			

Ghi chú:

- Dự toán chi đã giao bao gồm 10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2026 là 60.192.937 đồng, 40% nguồn thu học phí là 47.736.000 đồng để thực hiện cải cách tiền lương;

- Dự toán chi đã giao bao gồm tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên (ngoài tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương nêu trên) với số tiền là 54.173.643 đồng để thực hiện chính sách an sinh xã hội;